




MEASURING CURRENT TRANSFORMER (MCT) – ROUND TYPE/ BIẾN DÒNG ĐO LƯỜNG (MCT) - LOẠI TRÒN							STANDARDS	
Photo/ Hình ảnh	Model/ Mã	Ratio/ Tỉ số (A)	Class/ Cấp chính xác	Burden/ Dung lượng (VA)/	Dimension (mm)/ Kích thước			
					ID	OD	HT	
	MCT-20/5-1	20/5	1.0	5		110	105	
	MCT-30/5-1	30/5	1.0	5		110	105	
	MCT-40/5-1	40/5	1.0	5		110	105	
	MCT-50/5-1	50/5	1.0	5		110	105	
	MCT-60/5-1	60/5	1.0	5		110	105	
	MCT-75/5-1	75/5	1.0	5		110	105	
	MCT-50/5-3	50/5	3.0	5	25	100	80	
	MCT-60/5-3	60/5	3.0	5	25	100	80	
	MCT-75/5-3	75/5	3.0	5	25	100	70	
	MCT-100/5	100/5	1.0	5	25	70	55	
	MCT-150/5	150/5	1.0	5	25	70	45	
	MCT-200/5	200/5	1.0	5	30	70	40	
	MCT-250/5	250/5	1.0	5	30	65	40	
	MCT-300/5	300/5	1.0	5	30	65	40	
	MCT-400/5	400/5	1.0	5	45	80	30	
	MCT-500/5	500/5	1.0	5	55	90	30	
	MCT-600/5	600/5	1.0	5	55	90	30	
	MCT-800/5	800/5	1.0	15	75	110	25	
	MCT-1000/5	1000/5	1.0	15	75	110	25	
	MCT-1200/5	1200/5	1.0	15	75	110	25	
	MCT-1600/5	1600/5	1.0	15	90	125	25	
	MCT-2000/5	2000/5	1.0	15	130	165	20	
	MCT-2500/5	2500/5	1.0	15	130	165	20	
	MCT-3000/5	3000/5	1.0	15	130	165	20	
	MCT-4000/5	4000/5	1.0	15	160	195	20	
	MCT-5000/5	5000/5	1.0	15	160	195	20	
MCT-6000/5	6000/5	1.0	15	160	195	20		
MEASURING CURRENT TRANSFORMER (MCT) – SQUARE TYPE/ BIẾN DÒNG ĐO LƯỜNG (MCT) – LOẠI HÌNH CHỮ NHẬT								
Photo/ Hình ảnh	Model/ Mã	Ratio/ Tỉ số (A)	Class/ Cấp chính xác	Burden/ Dung lượng (VA)	Dimension (mm)/ Kích thước			
					ID	OD	HT	
	MCT-1000/5	1000/5	1.0	15	50x105	100x155	35	
	MCT-1200/5	1200/5	1.0	15	50x105	100x155	35	
	MCT-1600/5	1600/5	1.0	15	50x105	100x155	35	
	MCT-2000/5	2000/5	1.0	15	50x105	100x155	35	
	MCT-2500/5	2500/5	1.0	15	50x105	100x155	35	
	MCT-3000/5	3000/5	1.0	15	70x140	110x180	35	
	MCT-4000/5	4000/5	1.0	15	100x170	140x210	35	
	MCT-5000/5	5000/5	1.0	15	100x170	140x210	35	
MCT-6000/5	6000/5	1.0	15	100x170	140x210	35		